

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thiệu Văn Kết Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Dương Thị Bạ
- Bà Lê Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 1045/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 1X/y, khu phố B phường B1, thành phố T1, tỉnh Bình Dương – có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn h, sinh năm 1991; địa chỉ: 1X/y, khu phố B phường B1, thành phố T1, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Dương Hữu T2 – Luật sư làm việc tại Công ty luật TNHH Đ và T, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn h tự nguyện tìm hiểu, tiến đến quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện S, tỉnh Bình Định vào năm 2015 (số 20 ngày 28/5/2015). Sau khi về chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau,

bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trang yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn h.

Về con chung: Quá trình chung sống, Ông H và bà T có 01 con chung tên Trần Gia P, sinh ngày 09/3/2017. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu Ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 629, tờ bản đồ số 62 tại đường T3, xã V, huyện B2, tỉnh Bình Dương và 01 chiếc xe hiệu Toyota biển số 61A-480.62 và số nợ chung là 91.667.000 đồng tại ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T chỉ yêu cầu giải quyết ly hôn với Ông H, rút lại yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, về con bà T tự nguyện giao lại cho Ông H,

- Bị đơn ông Trần Văn h đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập Ông H đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Ông H đều vắng mặt không rõ lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn thống nhất trình bày của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Trang chấp hành đúng pháp luật tố tụng, Ông H không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Trang là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn h, đồng thời Ông H hiện đang cư trú (nơi thường trú) tại địa chỉ 1X/y, khu phố B phường B1, thành phố T1, tỉnh Bình Dương (theo giấy xác nhận thông tin cư trú) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn h, bà T giao con chung cho Ông H chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn h được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do; nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Ông H, xem như Ông H từ bỏ quyền chứng minh của mình.

[1.4] Tại phiên tòa bà T tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với các yêu cầu này của bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn h tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định vào năm 2015 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trang và Ông H là hợp pháp.

Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện trong quá trình chung sống với nhau, chính quyền địa phương không nắm được tình hình mâu thuẫn giữa bà Trang và Ông H do không ai trình báo. Tuy nhiên, nhiều lần Tòa án nhân dân thành phố Thuận An triệu tập Ông H đến Tòa án để làm việc, hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng (có 02 lần tổng đạt trực tiếp) nhưng Ông H không đến thể hiện Ông H không muốn hòa giải, không muốn vợ chồng đoàn tụ.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn h đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Văn h.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Trang và Ông H có 01 con chung tên Trần Gia P, sinh ngày 09/3/2017. Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu Ông H cấp dưỡng, quá trình tố tụng bà T tự nguyện giao lại con chung cho Ông H nuôi. Xét thấy, cháu Trần Gia P hiện nay đang chung sống với ba cháu đã ổn định nên Hội đồng xét xử giao con chung cho ông Trần Văn h trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Trường hợp sau này các đương sự có tranh chấp về người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí còn thừa cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Trang đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 629, tờ bản đồ số 62 tại đường T3, xã V, huyện B2, tỉnh Bình Dương và 01 chiếc xe hiệu Toyota biển số 61A-480.62 và số nợ chung là 91.667.000đồng tại ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Trần Văn h về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Văn h.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Gia P, sinh ngày 09/3/2017 cho ông Trần Văn h trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp; trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 7.800.000đồng theo Biên

lai thu số 0000522 ngày 05/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thiệu Văn Kết Em

